**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**BẢN THU HOẠCH**

**NÂNG HẠNG TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

**HẠNG II**

**CÀ MAU – 2018**

bài thu hoẠch

 bỒI dƯỠNG CHỨC DANH nghỀ nghiỆp

GIÁO VIÊN TIỂU HỌC – hẠng ii

I. Đánh giá tóm tắt kiến thức và kỹ năng thu nhận được qua khóa bồi dưỡng:

 Qua quá trình tập huấn được học tập và nghiên cứu cũng như sự hướng dẫn, truyền đạt của các thầy, cô giáo phụ trách giảng dạy Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học ở hạng II, tôi nắm bắt được các nội dung như sau:

Nắm bắt xu hướng phát triển của giáo dục, tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, các mô hình trường học mới. Những mặt được và mặt hạn chế của các mô hình trường học đó.Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của bản thân và đồng nghiệp. Chủ động, tích cực phối họp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh tiểu học.

Nắm vững và vận dụng tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học; chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp cùng thực hiện tốt chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về giáo dục nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng. Hiểu rõ chương trình và kế hoạch giáo dục tiểu học; hướng dẫn được đồng nghiệp cùng thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục tiểu học.

 **Chuyên đề 1: Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.**

1. Khái niệm, đặc điểm:

 Bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là hệ thống cơ quan từ Trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có những đặc điểm cơ bản:

- Việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước dựa trên những nguyên tắc chung, thống nhất mà nguyên tắc cơ bản là tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

- Các cơ quan trong bộ máy nhà nước đều mang tính quyền lực nhà nước, đều có quyền nhân danh nhà nước để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước là những người hết lòng phục vụ nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

2. Những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

2.1. Nguyên tắc “quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”.

2.2. Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

2.3. Nguyên tắc bảo đảm sự tham gia của nhân dân vào hoạt động quản lý của nhà nước.

2.4. Nguyên tắc tập trung dân chủ.

2.5. Nguyên tắc pháp chế XHCN.

3. Các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;Hội đồng nhân dân; Uỷ ban nhân dân; Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân

Chuyên đề 2: Xu hướng quốc tế và đổi mới giáo dục phổ thông(GDPT) Việt Nam.

1. Xu thế phát triển giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa là một quá trình đa phương diện, bao hàm nhiều nhân tố như kinh tế, chính trị, pháp luật, khoa học-công nghệ, văn hóa, xã hội. Toàn cầu hóa là kết quả tất yếu từ sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.

Đảng và Nhà nước xác định mục tiêu của đổi mới lần này là: Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

2. Đường lối và các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục và giáo dục phổ thông trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Để tiến hành thành công đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong hoàn cảnh hiện nay, cần quán triệt thêm một số quan điểm chỉ đạo sau:

2.1. Giáo dục là một nhân tố giữ vai trò quyết định để thực hiện thành công mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, cần được ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên lãnh đạo và đầu tư về tài chính và nhân lực.

2.2. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu chú trọng trang bị kiến thức (nâng cao dân trí) sang tập trung phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học (năng lực công dân).

2.3. Chuyển phát triển giáo dục chủ yếu theo mục tiêu số lượng sang phát triển theo mục tiêu vừa nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, vừa đáp ứng yêu cầu số lượng theo nhu cầu nhân lực của xã hội; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa và dân chủ hóa giáo dục.

2.4. Chuyển hệ thống giáo dục cứng nhắc, thiếu liên thông sang hệ thống giáo dục mở; hình thành cơ chế học tập suốt đời gắn với xây dựng xã hội học tập; thực hiện xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

2.5. Phát triển giáo dục phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển hài hòa, bình đẳng, hỗ trợ lẫn nhau giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giáo dục các vùng, miền.

2.6. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập để phát triển đất nước.

 9 giải pháp phát triển giáo dục Việt Nam theo Nghị quyết 29/NQ-TW.

1- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo.

2- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

3- Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.

4- Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

5- Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng.

6- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

7- Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo.

8- Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý.

9- Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Chuyên đề 3: Xu hướng đổi mới quản lý GDPT và quản trị nhà trường Tiểu học.

 Chương trình GD ở đây được hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất, bao gồm các thành tố: Mục tiêu, Nội dung, Phương pháp, Hình thức tổ chức dạy học và Kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

 Tổng quan dựa trên những tư liệu và kết quả nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước về các vấn đề liên quan đến phát triển CT. Cụ thể, gồm:

Hệ thống giáo dục quốc dân; Nền tảng triết lý và tư tưởng trong xây dựng CTGD; Chu kì đổi mới CTGD và lí do thay đổi; Các cách tiếp cận phát triển CT; Một số vấn đề cơ bản về CTGDPT: Mục tiêu GD, Chuẩn, Cấu trúc khung, Xu thế tích hợp và phân hoá thể hiện trong CT, Quy trình xây dựng CT, Các điều kiện triển khai CT.

Theo xu thế chung, hệ thống GDPT của các nước trên thế giới được cấu trúc theo các cấp học: Tiểu học (TH) trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT). Nhìn chung, quá trình phát triển CTGDPT của các nước được thực hiện theo quy trình sau:

- Đánh giá CT cũ (CT hiện hành và các CT trước đó).

- Định hình chương trình CT mới (đề xuất tư tưởng, cách tiếp cận, các định hướng chỉ đạo chung).

- Viết chương trình (chương trình khung, chương trình môn học), thẩm định, xin ý kiến từ nhiều kênh khác nhau.

- Chuẩn bị các điều kiện cho việc thực hiện chương trình: bồi dưỡng GV, chuẩn bị có sở vật chất, sách giáo khoa và các tài liệu hướng dẫn.

- Triển khai đại trà. Giám sát, đánh giá và cập nhật, điều chỉnh, tiếp tục phát triển chương trình.

CT GDPT sau 2015 đổi mới rất nhiều, có những đổi mới căn bản, tất yếu trường phổ thông cũng phải đổi mới căn bản mới đáp ứng được, quan trọng nhất là đổi mới cơ chế quản lý nhà trường theo hướng dân chủ hoá, XH hoá, nhà trường được tự chủ, được giám sát và chịu trách nhiệm giải trình. Một số việc cụ thể:

a) Đảm bảo về tổ chức, hoạt động và các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục tổi thiểu theo quy định của Điều lệ nhà trường.

b) Nhà trường được tự chủ về xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục sao cho đạt được cao nhất kết quả phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

c) CT GDPT được thiết kế theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (gồm giáo dục tiểu học và THCS) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (giáo dục THPT); chủ trương dạy học tích hợp và phân hoá theo yêu cầu mới.

d) CT GDPT yêu cầu tăng cường các hoạt động TNST của học sinh.

e) Thực hiện chủ trương “một CT, nhiều SGK”, nhà trường phải quyết định chọn sách dựa trên ý kiến của giáo viên bộ môn, có tham khảo ý kiến HS và cha mẹ học sinh, theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT, bảo đảm chọn được sách phù hợp nhất, không có tiêu cực trong hoạt động này.

f) Thực hiện xã hội hoá giáo dục theo hướng chủ động tuyên truyền về các đổi mới của ngành, của trường;

Chuyên đề 4: Động lực và tạo động lực cho giáo viên Tiểu học.

Ðộng lực là một mức độ mà một cá nhân muốn đạt tới và lựa chọn để gắn kết các hành vi của mình.

“Ðộng lực là tất cả những gì nhằm thôi thúc, khuyến khích con người nỗ lực thực hiện những hành vi theo mục tiêu".

Tạo động lực là quả trình xây dựng, triển khai các chỉnh sách, lựa chọn, sử dụng các biện pháp, thủ thuật của người quản lí để tác động đến người bị quản lí nhằm khơi dậy tỉnh tích cực hoạt động của họ.

Bản chất của tạo động lực là quá trình tác động để kích thích hệ thống động cơ (động lực) của người lao động, làm cho các động lực đó được kích hoạt hoặc chuyển hoá các kích thích bên ngoài thành dộng lực tâm lí bên trong thúc đẩy cá nhân hoạt động.

Phương pháp và công cụ tạo động lực cho giáo viên

\* Giúp giáo viên đặt ra mục tiêu hiệu quả: Ðể việc đặt mục tiêu cho nhân viên hiệu quả, thúc đẩy động lực làm việc của người lao động.

\* Sử dụng các biện pháp kích thích tài chính: Tiền lương, tiền thưởng, các chế độ phúc lợi.

\* Sử dụng các biện pháp kích thích phi tài chính:

Chuyên đề 5: Quản lý hoạt động dạy học và phát triển chương trình giáo dục nhà trường Tiểu học.

 Mô hình trường học mới Việt Nam dựa trên quan điểm và lí luận của giáo dục hiện đại và kết hợp hài hòa với thực tiễn Việt Nam.

1. Mục tiêu giáo dục: Mô hình trường học mới phát triển toàn diện nhân cách, năng lực, giá trị dân chủ, ý thức tập thể theo xu hướng thời đại cho HS. Chuẩn bị cho các em sớm thích ứng, hòa nhập với đời sống xã hội và phát triển cộng đồng.

2. Nội dung giáo dục: Nội dung học gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống hàng ngày của HS. Hệ thống kiến thức phù hợp, vừa sức với các em. Ngoài ra, mô hình trường học mới còn chú trọng kĩ năng thực hành, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

3. Phương pháp dạy học: PPDH lấy HS làm trung tâm. GV là người tổ chức cho HS hoạt động để khám phá chiếm lĩnh các kiến thức và kĩ năng mới. Từ đó năng lực học tập suốt đời của HS được hình thành và phát triển.

4. Đánh giá HS: Đánh giá để thay đổi cách dạy, cách học cho hiệu quả hơn. Việc đánh giá cần được diễn ra thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động học tập của HS, có tác dụng khơi dậy, phát triển năng lực và phẩm chất cho các em. HS có khả năng đánh giá, tự đánh giá và tự chịu trách nhiệm về quá trình và kết quả học tập của mình .

5. Các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng:

Gia đình phải phối hợp thường xuyên với nhà trường, hợp tác với GV để giúp đỡ HS học tập một cách thiết thực.

6. Quản lí giáo dục: Quản lí giáo dục theo hướng cởi mở và dân chủ, thích ứng với vai trò mới của GV và có chiến lược tập huấn, bồi dưỡng GV mang tính hiệu quả và phù hợp với thực tế.

Chuyên đề 6: Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng II.

 Hiện nay ở cấp Tiểu học có hơn 99% giáo viên đạt chuẩn trở lên. Nhưng một bộ phận đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí trường Tiểu học còn một số hạn chế, bất cập; Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên Tiểu học là sự phát triển nghề nghiệp mà một giáo viên đạt được do có các kĩ năng nâng cao, qua quá trình học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiện nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy một cách hệ thống.

Giáo viên cần có các năng lực sau:

- Năng lực tìm hiểu học sinh Tiểu học; Năng lực tìm hiểu môi trường nhà trường Tiểu học; Năng lực tìm hiểu môi trường xã hội; Năng lực dạy học các môn học; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng xã hội, kĩ năng sống và giá trị sống cho học sinh Tiểu học; Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm; Năng lực giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi; Năng lực tư vấn và tham vấn giáo dục Tiểu học; Năng lực hiểu biết các kiến thức khoa học nền tảng rộng, liên môn; Năng lực chủ nhiệm lớp; Năng lực giao tiếp; Năng lực hoạt động xã hội, năng lực phát triển nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học.

Trên những thực trạng năng lực giáo viên Tiểu học cần có một số giải pháp phát triển năng lực sau:

1. Thay đổi cách đánh giá giáo viên tiểu học, để tạo điều kiện cho giáo viên phát huy năng lực sáng tạo trong giáo dục và dạy học của mỗi giáo viên.

2. Tăng cường hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn để cập nhật những xu hướng mới trong giáo dục. Giải quyết những khó khăn của giáo viên trong quá trình giáo dục học sinh.

3 Khuyến khích giáo viên tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học để ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp.

4. Thường xuyên tổ chức thực hiện phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo để giáo viên không ngừng phát triển và hoàn thiện chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.

Chuyên đề 7: Dạy học và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu trong trường Tiểu học.

Một số trẻ em của chúng ta được trời phú cho một tài năng tự nhiên còn được coi là năng khiếu cao.

 Người xưa đã từng nói “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”. Vì vậy việc phát hiện, hướng dẫn bồi dưỡng HS năng khiếu là một công tác mũi nhọn trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho nhà trường nói riêng, cho xã hội nói chung;

Sàng lọc ban đầu thường là sự phát hiện và tiến cử của giáo viên dạy lĩnh vực đó, bước lựa chọn cuối cùng thường được tiến hành với sự hỗ trợ của các phương pháp kỹ thuật có tính chính xác cao. Phương pháp chọn lọc ban đầu để đảm bảo độ tin cậy cao, chúng ta cần tìm hiểu các nguồn thông tin sau:

Quan sát hoạt động của học sinh ở trường; Dựa vào điểm số học tập; Lấy ý kiến đề cử của giáo viên dạy lớp đó; Nhận dạng thông qua điểm số cao ở kỳ thi đầu vào; Nhận dạng thông qua kỳ thi Olympic; Nhận dạng thông qua các sản phẩm hoạt động của học sinh; Nguồn thông tin từ phụ huynh, mọi người lớn xung quanh; Từ chính bản thân học sinh.

 Sau đó ta sẽ tổ chức bồi dưỡng để sàng lọc lại lần cuối cùng, hình thức tổ chức dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu được thực hiện như sau :

- Hoạt động với học sinh như một người giúp đỡ, hỗ trợ, động viên các em làm sáng tỏ tri thức, kinh nghiệm đã có.

- Biết, chấp nhận và thực thi những phương pháp dạy học tích cực như dạy học khám phá, dạy học hợp tác, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học tình huống, dạy học kiến tạo, ...

- Luôn tạo ra những tình huống có vấn đề, những chướng ngại để cuốn hút học sinh tham gia vào quá trình khám phá giải quyết nó.

Chuyên đề 8: Đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trường Tiểu học.

1.Thực trạng về chất lượng giáo dục tiểu học

 Hơn nửa thế kỷ qua nền giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng đã đạt được nhiều thành tích to lớn trong sự nghiệp giải phóng, xây dựng và phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều nghị quyết về phát triển giáo dục, đào tạo khoa học và công nghệ khẳng định tầm quan trọng, định hướng cũng như xác định mục tiêu, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Các thành tố tạo nên chất lượng đào tạo bao gồm: đầu vào, quá trình giáo dục, đầu ra, và bối cảnh

- Khái quát về chất lượng giáo dục tiểu học; Nội dung và trình độ kiến thức được trang bị; Kỹ năng kỹ xảo thực hành và khả năng vận dụng của học sinh; Năng lực nhận thức và năng lực tư duy của học sinh tiểu học; Phẩm chất và kĩ năng xã hội của học sinh tiểu học.

 **3. Đánh giá chất lượng giáo dục**

 - Các loại đánh giá gồm : đánh giá học sinh, đánh giá cán bộ quản lí và đánh giá giáo viên, đánh giá cơ sở giáo dục.

 Các tiêu chuẩn tiêu chí đánh giá chất lượng;

 Tiêu chuẩn 1:Tổ chức và quản lí nhà trường

 Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên nhân viên và học sinh

 Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

 Tiêu chuẩn 4:Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội

 Tiêu chuẩn 5: Kết quả giáo dục

 Minh chứng đánh giá.

 4. Kiểm định chất lượng giáo dục trường tiểu học

 Mục tiêu kiểm định; Đặc trưng của kiểm định; Đánh giá trong (hoạt động tự đánh giá); Đánh giá ngoài; Thông báo kết quả; Xử lý kết quả đánh giá.

Chuyên đề 9: Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm (KHSP) ứng dụng ở trường Tiểu học.

 Thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. Việc cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và giảng dạy HS là nhiệm vụ của GV.

 Xu hướng hiện nay trên TG, NCKHSPUD là một phần trong phát triển chuyên môn của GV trong thế kỉ XXI. Khi thực hiện NCKHSPUD, GV sẽ lĩnh hội các kỉ năng mới về tìm hiểu thông tin, GQVĐ, nhìn lại quá trình, giao tiếp và hợp tác.

 - NCKHSPUD khi được ứng dụng đúng cách trong các trường học sẽ đem lại rất nhiều lợi ích, vì:

 - Tạo ra hệ thống tư duy của GV với những cách GQVĐ mang tính chuyên nghiệp để hướng tới sự phát triển của nhà trường.

 - Tăng cường NL GQVĐ và đưa ra những quyết định mang tính CM. - Hỗ trợ nguyên tắc nhìn lại quá trình và tự ĐG trong cộng đồng GV

 - Hình thành, phát huy ý thức tiến bộ nghề nghiệp của mỗi GV và CBQL.

 - Tác động trực tiếp lên việc giảng dạy, học tập và quản lí.

- Tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của GV. GV NCKHSPUD sẽ tự tin khi tiếp nhận các lí thuyết mới, luôn có ý thức sáng tạo và đảm bảo việc dạy học theo chương trình và thái độ tích cực.

Các bước tiến hành một NCKHSPUD:

B1. Giai đoạn chuẩn bị

B2. Giai đoạn nghiên cứu

B3. Giai đoạn hoàn thành một NCKHSPUD

Chuyên đề 10: Xây dựng môi trường văn hóa, phát triển thương hiệu nhà trường và liên kết, hợp tác quốc tế.

 Văn hoá nhà trường là hệ thống niềm tin, giá trị, chuẩn mực, thói quen và truyền thống hình thành trong quá trình phát triển của nhà trường, được các thành viên trong nhà trường thừa nhận, làm theo và được thể hiện trong các hình thái vật chất và tinh thần, từ đó tạo nên bản sắc riêng cho mỗi tổ chức sư phạm. Văn hoá nhà trường có đầy đủ đặc tính của văn hoá tổ chức song nó có những đặc trưng riêng.

 Văn hoá nhà trường liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của một nhà trường.

 Văn hóa nhà trường và phát triển thương hiệu nhà trường có vai trò quan trọng, có tác động mạnh tới việc nâng cao chất lượng giáo.

 Văn hóa nhà trường được tạo dựng và nuôi dưỡng bầu không khí cởi mở, dân chủ, hợp tác, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau.

 Xây dựng thương hiệu nhà trường là một bước đột phá ở các trường công lập. Từ thương hiệu đó giáo viên và học sinh, đến cán bộ quản lí đều phải nỗ lực dạy và học thật tốt để giữ gìn và phát triển thương hiệu đó theo đúng với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, việc phối hợp liên kết hợp tác quốc tế rất là quan trọng vì nó sẽ giúp cho chúng ta đi theo kịp thời đại, giúp cho công tác giảng dạy của giáo viên và việc học tập của học sinh ngày càng tốt hơn và xã hội sẽ ngày càng phát triển hơn.

Do đó cán bộ quản lí, giáo viên Tiểu học có vai trò và tầm quan trọng to lớn đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục Tiểu học. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên Tiểu học thông qua bồi dưỡng nâng hạng giáo viên Tiểu học theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp là một biện pháp quan trọng và mang lại những hiệu quả thiết thực. Để có thể không ngừng phát triển nghề nghiệp bản thân, mỗi cán bộ quản lí, giáo viên Tiểu học cần có nhận thức đầy đủ, đúng đắn những nội dung của các chuyên đề bồi dưỡng, nắm vững các kĩ năng có liên quan, đồng thời tích cực vận dụng hiệu quả những kiến thức, kĩ năng đã được lĩnh hội trong các hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

 II. Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng đã thu nhận được vào thực tiễn công tác của bản thân:

 **Biện pháp vận dụng những kiến thức của các chuyên đề trong phát triển nghề nghiệp bản thân**

Biện pháp 1. Nắm vững những kiến thức lí luận từ các chuyên đề bồi dưỡng có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

Biện pháp 2. Tích cực vận dụng một cách thường xuyên những kiến thức đã học được vào hoạt động công tác của bản thân.

Biện pháp 3. Thường xuyên chia sẻ với đồng nghiệp trong quá trình công tác.

- Với nhiệm vụ được giao là giáo viên Âm nhạc, vận dụng kiến thức và kĩ năng thu nhận được tôi đã lập kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu năm học 2018-2019

+ Căn cứ vào tình hình học sinh trong năm học 2017 – 2018, ngay từ đầu năm học được sự chỉ đạo của nhà trường, tôi đã có kế hoạch lựa chọn học sinh năng khiếu từ các khối lớp để thành lập đội tuyển bồi dưỡng.

+ Tổ chức thi chọn lọc để lựa chọn đối tượng học sinh cần bồi dưỡng.

+ Lập kế hoạch dạy học – bồi dưỡng

+ Biên soạn chương trình, nội dung bồi dưỡng rõ ràng, cụ thể, chi tiết cho từng sở trường, năng khiếu có sẵn của các em, ... để dễ dàng trong việc dạy học và bồi dưỡng.

+ Xác định rõ trọng tâm kiến thức giảng dạy để tăng tính sáng tạo và tạo cho các em sự mạnh dạn, tự tin trong việc thể hiện mình.

+ Luôn tham mưu với nhà trường tổ chức các cuộc thi văn nghệ để không ngừng phát hiện thêm các tài năng về âm nhạc, nghệ thuật.

Nội dung chương trình bồi dưỡng học sinh năng khiếu:

 Năm học 2017 - 2018 được sự phân công của Ban giám hiệu nhà trường, tôi trực tiếp giảng dạy bộ môn âm nhạc của trường. Để học sinh học tập tốt môn học bản thân tôi luôn tìm tòi những phương pháp dạy học cho phù hợp với từng lứa tuổi, từng chương trình, tạo hứng thú cho học sinh yêu thích môn học. Tôi luôn tìm những phương pháp để đưa phong trào ca hát của nhà trường đạt kết quả và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, trong khi nhận thức, sự hiểu biết, giọng hát của học sinh không đồng đều, có những em có giọng hát hay, hát cao, nhưng có những em lại hát chưa được đúng nhạc, có học sinh thì thích ca hát biểu diễn nhưng bên cạnh đó cũng có những em còn rụt rè, thiếu tự tin...

\* Nguyên nhân

Sau khi rà soát nắm tình hình thực tế từ đó tôi tiến hành phân loại từng nhóm học sinh và đi sâu vào tìm hiểu những ưu, khuyết điểm của các em về hoàn cảnh gia đình, cá tính, sở thích. Trở thành một người bạn mà các em có thể chia sẻ những tâm sự của mình và qua đó tôi có được phương pháp dạy học thích hợp để giúp các em nâng cao nhận thức của mình đối với bộ môn âm nhạc nói riêng và các môn học trong trường nói chung.

 Do môn học đòi hỏi phải có năng khiếu nên trong khi ca hát một số học sinh còn hạn chế lạt giọng, chưa thuộc lời, hát chưa chuẩn về giai điệu, tiết tấu… Vì vậy nhiều em ngại tham gia các hoạt động âm nhạc trong lớp hoặc học sinh chưa biết cách trình bày cảm nhận của mình về bài hát, tác phẩm âm nhạc, chưa mạnh dạn trong việc nhận xét các bạn trong lớp biểu diễn bài hát.

Để phục vụ cho đề tài: “Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu Âm nhạc cho học sinh của trường” có kết quả, ngay từ đầu năm học tôi đã khảo sát chất lượng học sinh khối 1 tại trường mình.

Kế hoạch khảo sát, đánh giá học sinh, thời gian 20/09/2017. Tổng số học sinh cả khối có 3 lớp.

Khối 1: Tổng số 126 em

Hoàn thành tốt : (Đầu năm 45 em ; Cuối năm: 61 em)

Hoàn thành : ( Đầu năm 52 em ; Cuối năm: 65 em)

Chưa hoàn thành : (Đầu năm : 29 em : Cuối năm: 0 em)

\* Để có được những kết quả đó tôi đã áp dụng 1 số biện pháp:

1. Đối với giáo viên:

 - Phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh để tìm hiểu sở thích, cá tính của các em học sinh.

- Thường xuyên nghiên cứu, cải tiến phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh để không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy về môn Âm nhạc.

Nắm vững kiến thức đó được trang bị ở nhà trường về chuyên môn, chuyên ngành, về nghiệp vụ sư phạm. Hiểu được đặc điểm đối tượng về phát triển tâm sinh lý và sự hình thành phát triển ngôn ngữ.

 - Hình thành các biểu tượng thông qua các bài hát đó là những câu chuyện nhằm được cho học sinh những xúc cảm và thể hiện được tình cảm, sắc thái vào bài hát.

 Định hướng cho các em thấy được chiều sâu của tác phẩm: Nghe giai điệu và cảm thấy thích, nói được vì sao mà thích, thấy nó hay thì hay ở chỗ nào? Cũng qua các câu chuyện âm nhạc mà thấy được sức mạnh của âm nhạc, tầm quan trọng của âm nhạc trong đời sống hằng ngày.

 - Hằng ngày giáo viên cần phải gần gũi khích lệ cho các em để các em mạnh dạn, tự tin hơn trong khi biểu diễn các bài hát, kể lại những câu chuyện âm nhạc đã học...

Trong các giờ học luôn tạo ra cho học sinh hứng thú để các em phấn khởi trong khi học tập.

 - Giáo viên cần là người hướng dẫn, người giúp các em chiếm lĩnh kiến thức. Tránh giảng giải những vấn đề lí thuyết nặng nề, khô cứng, những kiến thức chuyên môn chỉ dành cho những người hoạt động âm nhạc hoặc chuyên nghiên cứu về âm nhạc.

Tăng cường trực quan trong dạy học là tiếng hát, tiếng đàn, clip sưu tầm được về bài hát sẽ làm cho bài hát phong phú hơn. Trực quan còn thể hiện bằng những hình vẽ, tranh ảnh liên quan đến bài hát, những động tác phụ họa cho bài hát, cho điệu nhạc, những điệu múa, điệu nhảy liên quan đến tiết tấu và giai điệu.

 - Cần phải nghiên cứu các hình thức trình bày bài hát để đưa vào tiết dạy cho phong phú và đạt kết quả cao như: Hát đơn ca, song ca, tam ca, tốp ca, tập thể, dãy bàn... Kết hợp với các cách hát lĩnh xướng hòa giọng; hát đối đáp hòa giọng; hát nối tiếp luân phiên theo tổ, nhóm...

Nghiên cứu kĩ bài dạy trước khi lên lớp sẽ làm cho tiết học hiệu quả hơn, cần đặt ra những mục tiêu ngay từ khi soạn bài cho phù hợp với bài học. Nếu chuẩn bị được giáo án tốt thì mình cũng thấy tự tin hơn khi giảng dạy. Trong các hoạt động chính của thầy và trò cần cụ thể để thấy được hiệu quả đạt được. (Minh họa bài soạn lớp 1 tiết 13 để thấy được tính cụ thể của từng nội dung, hoạt động).

 HỌC HÁT: BÀI SẮP ĐẾN TẾT RỒI

 Nhạc và lời: Hoàng Vân

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức: Biết hát theo giai điệu và lời ca.

- Kĩ năng: Biết gõ đệm theo phách, theo tiết tấu lời ca.

- Thái độ: Giáo dục Hs luôn biết vâng lời và kính trọng ông bà, cha mẹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Nhạc cụ, NC gõ quen dùng, máy nghe, băng đĩa nhạc các bài hát lớp 1.

- Máy tính, đầu chiếu.

- Tập đàn và hát chuẩn xác bài Sắp đến tết rồi.

2. Học sinh:

- Nhạc cụ gõ: Thanh phách, song loan, xúc xắc, sách Tập bài hát và vở bài tập nhạc.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức (1’)

- Kiểm tra sĩ số:

2. Bài cũ: ( 3’)

 Gv gọi Hs nêu tên bài hát đã ôn ở tiết học trước ( tên bài hát, tác giả).

- Nhận xét, đánh giá

3. Bài mới

HĐ1: (16’)

Dạy hát: Bài Sắp đến Tết rồi

Bước 1: Giới thiệu bài: (1’)

+ Cho HS quan sát màn hình và hỏi: Đây là hình ảnh gi?

+ Hai bạn nhỏ đang quây quần bên ông bà và bố

+ Em hãy kể một vài bài hát viết về ngày tết?

+ Hs lắng nghe, trả lời

- Gv: Có rất nhiều bài hát được viết về tết rất vui tươi, nhộn nhịp. Trong những bài hát ấy có bài hát Sắp đến tết rồi của nhạc sĩ Hoàng Vân miêu tả hình ảnh những em bé được mẹ mua cho những chiếc áo mới thật sinh động với giai điệu tươi vui, lời ca gần gũi. Nhạc sĩ Hoàng Vân có rất nhiều bài hát viết cho thiếu nhi như bài hát: “Em yêu trường em; Con chim vành khuyên; Mùa hoa phượng nở, Ca ngợi Tổ quốc…”. Ông đã được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

Bước 2: Nghe hát mẫu (2’)

- Gv bật băng cho Hs nghe giai điệu bài hát, ghi bài.

+ Bài hát có giai điệu như thế nào?

 - Hs lắng nghe giai điệu bài hát.

+ Bài hát có giai điệu vừa phải.

Bước 3: Đọc lời ca theo tiết tấu (2’)

- Cho HS quan sát lời ca trên màn hình, GVchia bài hát gồm 4 câu.

- Gv đọc mẫu lời ca theo TT

- Hs quan sát

- Gv hướng dẫn Hs đọc từng câu theo TT

- Gv cho Hs đọc lời ca toàn bài, Gv gõ TT

- Hs lắng nghe

Bước 4: Khởi động giọng (1’)

- Hs lắng nghe và đọc

- Gv cho Hs khởi động giọng bằng âm la

- Hs thực hiện

Bước 5 : Dạy hát Từng câu: (5’)

Câu1: “ Sắp đến Tết rồi đến trường rất vui”.

- Hs lắng nghe và thực

hiện theo hướng dẫn của

- Gv đàn và hát mẫu ( 2lần )

- Gv bắt nhịp và đàn ( 3 lần ), lắng nghe Hs

Câu 2: “ Sắp đến Tết rồi về nhà rất vui”

- Gv hướng dẫn Hs thực hiện tương tự câu số 1.

- Gv đàn câu 1 – 2, cho hs hát ghép 2 câu hát

- Hs lắng nghe và nhẩm theo

- Hs thực hiện hát câu 1của bài này.

\* Câu 3 - 4 Gv hướng dẫn Hs thực hiện tương tự nhưcâu số 1 – 2

- Cuối bài Gv hướng dẫn Hs gõ TT:

- Hs nghe và hát câu 2

- Hs hát 2 câu này

- Hs lắng nghe và thực

\* Gọi HS thực hiện gõ TT cuối bài

Bước 6: Hát cả bài: (5’)

- Hs thực hiện theo hướng dẫn của Gv.

- Gv đàn giai điệu và chỉ huy Hs hát theo hình thức:

\* HS xung phong

- Nhận xét và sửa sai

HĐ2: (12’)

Hát kết hợp gõ đệm theo Phách: (6’)

- Gv hát và gõ đệm làm mẫu

- Gv hướng dẫn Hs cùng thực hiện

- Hs lắng nghe, thực hiện

+) Tập thể

+) Từng tổ

+) Từng nhóm

+) Cá nhân

- Hs lắng nghe, sửa bài

- Gv chỉ huy Hs hát và gõ đệm theo hình thức:

+) Tập thể

+) Từng tổ

- Hs quan sát, lắng nghe

- Hs hát và gõ đệm

\* Gọi HS hát kết hợp gõ đệm theo phách

- Hs thực hiện

- Nhận xét, đánh giá, sửa nếu Hs làm chưa tốt.

Hát kết hợp gõ đệm theo tiết tấu: (6’)

+) Từng nhóm

- Gv hướng dẫn Hs hát và gõ đệm vào tất cả các tiếng của bài.

- HS thực hiện theo hướng dẫn

\* HS xung phong

- Hs lắng nghe, sửa bài

- Gv chỉ huy Hs hát và gõ đệm theo hình thức:

+) Tập thể

+) Từng tổ

- Nhận xét, đánh giá, sửa nếu Hs làm chưa tốt.

\* Gọi HS hát kết hợp gõ đệm theo TT

+) Từng nhóm

\* HS xung phong

- Hs lắng nghe, sửa bài

4. Củng cố (2’)

+ Các em vừa học bài hát gì, do ai sáng tác? (Sắp đến Tết rồi. Sáng tác: Hoàng Vân).

+ Bài hát có giai điệu như thế nào? ( Bài hát có giai điệu vừa phải).

+ Nội dung bài hát nói về điều gì? ( Nói về ngày Tết cổ truyền của Việt Nam).

- Gv giảng: Ngày Tết cổ truyền của dân tộc chúng ta là ngày đoàn tụ của các thành viên trong gia đình, là ngày các con, các cháu cùng nhau báo hiếu với ông bà, cha mẹ. Chính vì vậy mà các em phải luôn luôn biết vâng lời và kính trọng ông bà, cha mẹ...

- Gv nhận xét tiết học: tuyên dương Hs chú ý học bài, nhắc nhở Hs chưa chú ý vào bài cần cố gắng hơn.

5. Dặn dò (1’)

- Gv dặn Hs về nhà hát thuộc bài hát và tập gõ đệm theo phách, tiết tấu. Tìm động tác cho bài hát.

2. Đối với học sinh:

Trong các giờ học phải sôi nổi, mạnh dạn, biết nhận xét về tư thế hát, về giai điệu lời ca, các động tác phụ hoạ cho bài hát, hát đúng với nhạc.

Biết liên hệ với thực tế cuộc sống với nội dung bài hát, nội dung câu chuyện âm nhạc, qua bài hát rút ra được việc mình cần phải làm.

Ngoài tập biểu diễn các bài hát ở trường ở lớp, ở nhà các em tự tập hát kết hợp các động tác phụ hoạ, tập chung nhóm để giúp nhau cùng có sự tiến bộ và nhạy bén trong các hoạt đông, tự tin khi biểu diễn bài tâp kể chuyện âm nhạc, nghe nhạc...

Tập trung vào các hoạt động mà giáo viên giới thiệu đến trong tiết học như nghe nhạc, vận động theo nhạc, gõ đệm...

 Sau khi học xong một bài hát học sinh cần nhớ được giai điệu, thuộc lời ca và thể hiện được tính chất của bài hát. Biết đây là bài hát dân ca, bài hát nước ngoài hay bài hát của tác giả nào. Thực hành được cách gõ đệm hay hát vận động phụ họa, vận động theo nhạc...

\* Kế hoạch hoạt động của cá nhân sau khi tham gia khóa bồi dưỡng nhằm đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp:

- Tích cực vận dụng một cách thường xuyên những kiến thức tích lũy được vào hoạt động công tác của bản thân.

- Thường xuyên chia sẻ với đồng nghiệp trong quá trình công tác.

- Bản thân tỏ rõ quan điểm và có thái độ nghề nghiệp rõ ràng trong công tác chuyên môn tại đơn vị.

- Tham gia học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ. Có tinh thần và tác phong làm việc khoa học, tự giác linh hoạt khi thực hiện các nhiệm vụ.

 Trên đây là bài thu hoạch của tôi rất mong sự đóng góp của các thầy, cô giảng viên.

 Xin chân thành cảm ơn!